

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 28/9/2018

V/v “Ly hôn, t/c nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Khuyên

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lữ Kim Hằng

2. Ông Vũ Xuân Vương

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Thái Học – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

- *Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa:* Ông Đặng Tiến Mạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở TAND huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 20/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018 và Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2018/QĐST – HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Trần Thị H – Sinh năm: 1993 (*có mặt*)

HKTT: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: 4/11 tổ 7, ấp G, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: anh Lê Thanh P – SN: 1987 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: tổ 8, ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày: chị H và anh Lê Thanh P quen biết nhau khi làm chung cùng một công ty. Hai người tìm hiểu nhau từ đầu năm 2012, sau đó tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã X năm 2013. Đây là hôn nhân đầu tiên của cả hai người.

Nguyên nhân dẫn tới việc chị H yêu cầu được ly hôn với anh P do chị nhận thấy hôn nhân giữa hai người không hạnh phúc. Anh P hay nhậu nhẹt và không tin tưởng vợ, luôn nghi ngờ vợ ngoại tình. Chồng chị còn dùng nhiều lời lẽ để hăm

dọa tính mạng của chị. Trong lúc tranh cãi, anh P có đánh (tát) chị một lần. Chị và con gái đã về sống cùng cha mẹ đẻ của chị tại huyện X, hai người ly thân từ tháng 8/2017 đến nay. Chị H xác định không còn tình cảm với anh P nữa, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thanh P.

Quá trình chung sống anh chị có một người con chung là cháu Lê Bảo T – sinh ngày: 04/9/2014, từ sau khi vợ chồng ly thân đến nay thì cháu T sống cùng chị H. Kể từ ngày Tòa án hòa giải (ngày 14/6/2018) đến nay, anh P chỉ qua thăm con một lần trong tình trạng say xỉn và làm con gái khóc. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị làm công nhân tại công ty VIETNAM DONA STANDARD FOOTWEAR CO,LTD (công ty giày DONA STANDARD Việt Nam), thu nhập trung bình 7.000.000 đồng/tháng, có phiếu chi lương chị đã nộp cho Tòa án.

Anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo bản tự khai, biên bản đối chất, biên bản hòa giải, bị đơn là anh Lê Thanh P trình bày: anh thống nhất với lời trình bày của chị H về quá trình tiến tới hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung.

Anh P cho rằng cuộc sống vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn nhưng không lớn. Anh thừa nhận có nhậu nhẹt nhưng không phải là thường xuyên. Mỗi lần chị H làm về trễ, anh hỏi han thì chị H cứ lầm lì, không đáp lại. Vợ chồng cãi nhau cũng vì lý do này. Anh thừa nhận có đánh chị H một lần do hai người bất đồng trong cách xử lý lúc con bị ngã. Từ tháng 8/2017, chị H đã đưa con về nhà ngoại sống đến nay. Anh đã cố gắng gọi điện thoại để hàn gắn tình cảm nhưng chị H không nghe máy. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh thì anh không đồng ý ly hôn với chị H vì vẫn còn thương yêu chị H, không muốn gia đình tan vỡ.

Nếu Tòa án chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh thì đối với con chung thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Công việc hiện nay của anh là thợ sơn và trồng rau. Thu nhập trung bình dao động từ 8.000.000 đồng/tháng đến 15.000.000 đồng/tháng, anh không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh mức thu nhập.

* Các tài liệu, chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn chị H cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là: Bản tự khai tường trình về nội dung tranh chấp; chứng minh nhân dân (bản sao), đơn xin xác nhận nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (bản chính); giấy đăng ký kết hôn (bản chính); giấy khai sinh của cháu T (bản sao); phiếu chi lương hàng tháng (bản pho to không có dấu đỏ).

Tài liệu, chứng cứ mà bị đơn anh P cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là: Bản tự khai tường trình về nội dung tranh chấp; chứng minh nhân dân (bản sao), sổ hộ khẩu (bản sao).

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được là biên bản xác minh về nơi cư trú của anh Lê Thanh P vào ngày 15/5/2018 tại Công an xã X (bản chính).

* Quan điểm của Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng

theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng cũng chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng. Tuy nhiên vụ án vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Viện kiểm sát kiến nghị khắc phục vi phạm này.

Về nội dung: chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh P, giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm miễn cấp dưỡng nuôi con cho anh P; tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng: chị Trần Thị H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Thanh P và xin được quyền nuôi con nên đây là vụ kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh P nên chị H là nguyên đơn, anh P là bị đơn trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: anh Lê Thanh P hiện cư trú tại tổ 8, ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Cẩm Mỹ theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Thanh P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay anh P vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt anh P là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2013 chị Trần Thị H và anh Lê Thanh P có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 185, quyền số: 01/2013, ngày 02/11/2013 theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H thì thấy:

Chị H cho rằng cuộc sống hôn nhân của anh chị không có hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc anh P thường xuyên nhậu nhẹt, không tin tưởng vào sự chung thủy của vợ mà luôn nghi ngờ chị ngoại tình. Ngoài ra anh P còn đánh và dùng nhiều lời lẽ hăm dọa chị. Vợ chồng có bất đồng trong cách chăm sóc con. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 8/2017 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh P không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh P.

Tuy anh P không thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn hoàn toàn như chị H trình bày nhưng anh cũng thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ việc chị H không trả lời anh mà chỉ im lặng khi anh hỏi han công việc, từ đó vợ chồng không chia sẻ được với nhau và dẫn tới tranh cãi, anh có đánh đập chị H một lần, và vợ chồng đã sống ly thân nhau như lời trình bày của chị H. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã kéo dài thời gian hòa giải cho anh chị nhưng không thành, chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn vì không còn tình cảm với anh P. Từ đó có cơ sở để xác định mâu thuẫn giữa hai người là có thật. Anh P không đồng ý ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là không đáng kể. Tuy nhiên, thời gian ly thân đến

nay đã hơn 01 năm, anh P trình bày có mong muốn được hàn gắn tình cảm nhưng chỉ dừng ở mức gọi điện thoại, chị H không nghe máy thì không có động thái gì khác. Mặt khác, hai người không có sự chia sẻ, cảm thông với nhau, bất đồng trong cách chăm sóc, giáo dục con cái và có sự vi phạm nghĩa vụ chung sống giữa vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và Gia đình. Xét thấy anh chị đã sống ly thân nhau, tình cảm vợ chồng giữa anh chị không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh P.

[6] Về con chung: Chị H và anh P đều có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, qua lời trình bày của anh chị thì thấy cả hai đều có công việc và thu nhập ổn định, nhưng anh P lại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho mức thu nhập của mình. Đồng thời, từ khi sinh ra cho đến nay cháu T do chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, mặc dù cháu T đã hơn 36 tháng nhưng vẫn còn nhỏ, và lại là con gái nên cần sự chăm sóc từ người mẹ. Vì vậy, xem xét quyền lợi về mọi mặt của cháu T thì thấy nên giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 luật HNGĐ. Nên chấp nhận cho chị H được nuôi dưỡng cháu T.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh P.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: không ai có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

* Đề nghị của đại diện VKS huyện Cẩm Mỹ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận xem xét.

Về án phí: chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí LHST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS;

Căn cứ Điều 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật HNGĐ năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Lê Thanh P.

- Về con chung: giao cháu Lê Bảo T – sinh ngày: 04/9/2014 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Phong.

Khi cần thiết chị H và anh P được quyền yêu cầu xin thay đổi người nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ.

- Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: chị Trần Thị H phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí LHST. Chuyển 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp thành tiền án phí (biên lai số 004094 ngày 15/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ. Chị H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ bản án được tổng đặt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Thi hành án dân sự H. Cẩm Mỹ;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã X;
- Lưu án văn .
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Khuyên